TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TRÀ VINH** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 -2023
"V/v tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Kim Triều

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Minh Sơn

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ P - kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 149/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thạch Kim Thanh N, sinh năm 1992 (có mặt)

Địa chỉ: số A khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, xã L, H. C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Ông Trần Hoàng A, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: số A khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà T Kim Thanh N trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: bà và ông Hoàng A chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, thành phố T. Trong quá trình chung sống có hai con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 11/4/2014 và Trần Anh D, sinh ngày 04/5/2018. Từ tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà đã về nhà cha mẹ đẻ tại xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh để sinh sống, từ đó bà và ông Hoàng A đã sống ly thân cho đến nay. Nay bà yêu cầu Tòa án được ly hôn với ông Hoàng A.

- Về con chung: bà và ông Hoàng A có 02 con chung là Trần Anh K, sinh ngày 11/4/2014 và Trần Anh D, sinh ngày 04/5/2018. Do hiện nay con Trần Anh K đang sống chung với ông Hoàng A nên bà đồng ý giao cho anh Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Trần Anh D hiện đang sống chung với bà nên bà yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng và bà không yêu cầu ông Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông Hoàng A không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Hoàng A trình bày và yêu cầu như sau:*

Về hôn nhân: ông và bà Thạch Kim Thanh N chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, thành phố T. Trong quá trình chung sống ông và bà N có hai con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 11/4/2014 và Trần Anh D, sinh ngày 04/5/2018. Ông thừa nhận từ tháng 10/2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường xuyên cải nhau và hiện tại bà N đã dẫn con Trần Anh D về nhà cha mẹ tại xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh để sinh sống cho đến nay. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà N.

- Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung, ông không đồng ý giao con cho bà N nuôi dưỡng và ông không yêu cầu bà N phải cấp dưỡng nuôi con. Ông yêu cầu được nuôi hai con vì sợ sau này bà N kết hôn với người khác thì sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của các con, bản thân ông đảm bảo sẽ nuôi dạy con tốt hơn bà N.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông và bà N không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Con chung cháu Trần Anh K trình bày và có yêu cầu như sau:* cháu là con của mẹ T Kim Thanh N và cha Trần Hoàng A. Sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sống chung với cha Trần Hoàng A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn giữ bà T Kim Thanh N và ông Trần Hoàng A. Về con chung giao cháu

Trần Anh K cho ông Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu Trần Anh D cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không ai có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí bà N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyệt có đơn khởi kiện đối với ông Hoàng A có địa chỉ tại số A khóm C, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà N, Hội đồng xét xử nhận thấy: bà N và ông Hoàng A tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A1, thành phố T, tỉnh Trà Vinh nên quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Hoàng A là hợp pháp.

Tuy nhiên trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng bà N và ông Hoàng A có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã sống ly thân và hai bên thống nhất thuận tình ly hôn với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, qua lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân của bà N và ông Hoàng A không thể hàn gắn do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ lo bổn phận người đó, bỏ mặt nhau sống sao thì sống, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ.

[3] Về con chung: bà N và ông Hoàng A có 02 con chung tên Trần Anh K, sinh ngày 11/4/2014 và Trần Anh D, sinh ngày 04/5/2018. Bà N1 cho rằng con Trần Anh K đang sống chung với ông Hoàng A nên đồng ý giao cho ông Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu A K. Đối với con chung Trần Anh D hiện đang sống chung với bà N1 nên bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con.

Xét thấy, cháu Trần Anh D hiện đang sống chung với bà N1 và bà N1 vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu của N1, giao con tên Trần Anh D cho bà N1 được tiếp tục nuôi dưỡng.

Đối với cháu Trần Anh K hiện đang sống chung với ông Hoàng A và từ trước đến nay ông Hoàng A vẫn đảm bảo nuôi dạy con tốt, cháu K cũng có nguyện vọng được sống chung với ông Hoàng A. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà N1, giao con tên Trần Anh K cho ông Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng.

Hiện tại bà N1 và ông Hoàng A đã có cuộc sống riêng ổn định, điều kiện nuôi dạy các cháu không có trở ngại gì lớn nên việc giao cháu K cho ông Hoàng A tiếp tục nuôi dưỡng và giao cháu D cho bà N1 tiếp tục dưỡng là phù hợp với thực tiễn cuộc sống, nhằm khỏi xáo trộn cuộc sống bình thường của các cháu và đảm bảo quyền lợi

của các cháu sau khi bà N1 và ông Hoàng A ly hôn.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã giải thích cho bà N1 và ông Hoàng A biết về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật nhưng bà N1 và ông Hoàng A không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình nuôi con, nếu có phát sinh tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con thì theo quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân gia đình, vì bảo vệ quyền lợi của các con chung, bà N1 và ông Hoàng A có quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà N1 và ông Hoàng A khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: bà N1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Kim Thanh N.

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Thạch Kim Thanh N và ông Trần Hoàng A.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Anh K1, sinh ngày 11/4/2014 cho ông Trần Hoàng A được tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung tên Trần Anh D, sinh ngày 04/5/2018 cho bà T Kim Thanh N được tiếp tục nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Thạch Kim Thanh N và ông Trần Hoàng A không đưa ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét giải quyết. Khi nào bà

N và ông Hoàng A có yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì được quyền khởi kiện trong một vụ kiện khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Thạch Kim Thanh N và ông Trần Hoàng A khai không có nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: bà Thạch Kim Thanh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã tại biên lai thu tiền số: 0015435 ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên bà N không phải nộp thêm.

5. Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Huỳnh Kim Triều